ĐH Bách khoa Hà Nội công bố điểm chuẩn xét tuyển tài năng 2024

Thời gian: 14-06-2024

Ngành Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo lấy điểm chuẩn cao nhất ở phương thức xét tuyển tài năng của Đại học Bách khoa Hà Nội. Đại học Bách khoa Hà Nội ngày 14/6 công bố điểm trúng tuyển theo phương thức xét tuyển tài năng, gồm xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xét chứng chỉ quốc tế và hồ sơ kết hợp phỏng vấn. Trường dành 20% trong tổng số 9.260 chỉ tiêu cho diện này.

**Xét hồ sơ năng lực kết hợp phỏng vấn** được nhiều thí sinh đăng ký nhất - gần 4.600 em. Dẫn đầu về điểm chuẩn là ngành Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (IT-E10) với 104,58/110 điểm, tăng 6,16 so với năm ngoái.

Bốn ngành còn lại trong top 5 vẫn là Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin Global ICT, An toàn không gian số, Kỹ thuật máy tính. Tất cả đều tăng 13-20,7 điểm chuẩn.

Một số có mức trúng tuyển từ 90 trở lên như nhóm ngành về Vi mạch, bán dẫn; Khoa học và Công nghệ sức khỏe, Logistics và phân tích kinh doanh.

Về tổng thể, hầu hết ngành có điểm chuẩn tăng so với năm ngoái. Đại diện trường lý giải do số lượng hồ sơ tăng gần gấp hai, trong đó nhiều thí sinh có thành tích cao. Mặt khác, đây cũng là nhóm ngành có nhu cầu nhân lực lớn, thu hút sự quan tâm của thí sinh.

*Điểm chuẩn theo phương thức xét hồ sơ kết hợp phỏng vấn như sau:*

TT: 1, Mã xét tuyển: IT-E10, Chương trình đào tạo: Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 104.58

TT: 2, Mã xét tuyển: IT1, Chương trình đào tạo: CNTT: Khoa học Máy tính, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 103.89

TT: 3, Mã xét tuyển: IT-E7, Chương trình đào tạo: Công nghệ Thông tin Global ICT, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 102.67

TT: 4, Mã xét tuyển: IT-E15, Chương trình đào tạo: An toàn không gian số - Cyber Security, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 102.60

TT: 5, Mã xét tuyển: IT2, Chương trình đào tạo: CNTT: Kỹ thuật Máy tính, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 98.30

TT: 6, Mã xét tuyển: MS2, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Vi điện tử và Công nghệ nano, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 92.77

TT: 7, Mã xét tuyển: ET2, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Y sinh, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 91.55

TT: 8, Mã xét tuyển: EM-E14, Chương trình đào tạo: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (CTTT), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 91.46

TT: 9, Mã xét tuyển: CH-E11, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Hóa dược (CTTT), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 91.23

TT: 10, Mã xét tuyển: ET-E5, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Y sinh (CTTT), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 91.19

TT: 11, Mã xét tuyển: EM-E13, Chương trình đào tạo: Phân tích Kinh doanh (CTTT), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 91.10

TT: 12, Mã xét tuyển: IT-E6, Chương trình đào tạo: Công nghệ Thông tin Việt - Nhật (tăng cường tiếng Nhật), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 88.07

TT: 13, Mã xét tuyển: EE2, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 86.70

TT: 14, Mã xét tuyển: EE-E8, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật điều khiển - Tự động hóa (CTTT), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 86.15

TT: 15, Mã xét tuyển: ET4, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 86.01

TT: 16, Mã xét tuyển: ET-E4, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (CTTT), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 85.19

TT: 17, Mã xét tuyển: EE-E18, Chương trình đào tạo: Hệ thống điện và năng lượng tái tạo (CTTT), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 85.14

TT: 18, Mã xét tuyển: ET-E9, Chương trình đào tạo: Hệ thống nhúng thông minh và IoT (tăng cường tiếng Nhật), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 84.11

TT: 19, Mã xét tuyển: ET-E16, Chương trình đào tạo: Truyền thông số và Kỹ thuật đa phương tiện (CTTT), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 83.16

TT: 20, Mã xét tuyển: EM5, Chương trình đào tạo: Tài chính - Ngân hàng, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 82.57

TT: 21, Mã xét tuyển: IT-EP, Chương trình đào tạo: Công nghệ Thông tin Việt - Pháp (tăng cường tiếng Pháp), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 82.15

TT: 22, Mã xét tuyển: BF-E12, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Thực phẩm (CTTT), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 81.27

TT: 23, Mã xét tuyển: BF-E19, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Sinh học (CTTT), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 81.27

TT: 24, Mã xét tuyển: TE3, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Hàng không, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 81.01

TT: 25, Mã xét tuyển: TE-EP, Chương trình đào tạo: Cơ khí Hàng không (CLC), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 81.01

TT: 26, Mã xét tuyển: EM3, Chương trình đào tạo: Quản trị Kinh doanh, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 80.18

TT: 27, Mã xét tuyển: EE1, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Điện, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 80.03

TT: 28, Mã xét tuyển: EM2, Chương trình đào tạo: Quản lý Công nghiệp, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 79.70

TT: 29, Mã xét tuyển: BF1, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Sinh học, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 79.19

TT: 30, Mã xét tuyển: BF2, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Thực phẩm, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 78.79

TT: 31, Mã xét tuyển: ME-E1, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Cơ điện tử (CTTT), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 78.67

TT: 32, Mã xét tuyển: MI1, Chương trình đào tạo: Toán-Tin, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 78.55

TT: 33, Mã xét tuyển: MI2, Chương trình đào tạo: Hệ thống Thông tin quản lý, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 78.40

TT: 34, Mã xét tuyển: TROY-IT, Chương trình đào tạo: Khoa học Máy tính - ĐH Troy (Hoa Kỳ), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 78.40

TT: 35, Mã xét tuyển: ME1, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Cơ điện tử, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 78.01

TT: 36, Mã xét tuyển: TE-E2, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Ô tô (CTTT), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 77.44

TT: 37, Mã xét tuyển: EM4, Chương trình đào tạo: Kế toán, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 76.81

TT: 38, Mã xét tuyển: CH1, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Hóa học, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 76.74

TT: 39, Mã xét tuyển: MS1, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Vật liệu, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 76.65

TT: 40, Mã xét tuyển: MS3, Chương trình đào tạo: Công nghệ vật liệu Polyme và Compozit, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 76.65

TT: 41, Mã xét tuyển: MS-E3, Chương trình đào tạo: Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu (CTTT), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 76.65

TT: 42, Mã xét tuyển: CH2, Chương trình đào tạo: Hóa học, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 76.50

TT: 43, Mã xét tuyển: TE1, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Ô tô, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 76.19

TT: 44, Mã xét tuyển: PH1, Chương trình đào tạo: Vật lý Kỹ thuật, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 75.82

TT: 45, Mã xét tuyển: PH3, Chương trình đào tạo: Vật lý Y khoa, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 75.82

TT: 46, Mã xét tuyển: TE2, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Cơ khí động lực, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 75.38

TT: 47, Mã xét tuyển: EM1, Chương trình đào tạo: Quản lý Năng lượng, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 75.35

TT: 48, Mã xét tuyển: TROY-BA, Chương trình đào tạo: Quản trị Kinh doanh - ĐH Troy (Hoa Kỳ), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 75.35

TT: 49, Mã xét tuyển: FL1, Chương trình đào tạo: Tiếng Anh KHKT và Công nghệ, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 75.31

TT: 50, Mã xét tuyển: FL2, Chương trình đào tạo: Tiếng Anh chuyên nghiệp quốc tế (do ĐHBK Hà Nội và ĐH Plymouth Marjon - Vương quốc Anh cấp bằng), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 75.31

TT: 51, Mã xét tuyển: EE-EP, Chương trình đào tạo: Tin học công nghiệp và Tự động hóa (CLC), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 74.67

TT: 52, Mã xét tuyển: ET-LUH, Chương trình đào tạo: Điện tử - Viễn thông - ĐH Leibniz Hannover (CHLB Đức), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 74.67

TT: 53, Mã xét tuyển: ME2, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Cơ khí, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 73.48

TT: 54, Mã xét tuyển: ED2, Chương trình đào tạo: Công nghệ Giáo dục, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 71.05

TT: 55, Mã xét tuyển: ED3, Chương trình đào tạo: Quản lý Giáo dục (mới), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 71.05

TT: 56, Mã xét tuyển: EV1, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Môi trường, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 71.05

TT: 57, Mã xét tuyển: EV2, Chương trình đào tạo: Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 71.05

TT: 58, Mã xét tuyển: HE1, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Nhiệt, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 71.05

TT: 59, Mã xét tuyển: ME-GU, Chương trình đào tạo: Cơ khí Chế tạo máy - hợp tác với trường ĐH Griffith (Australia), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 71.05

TT: 60, Mã xét tuyển: ME-LUH, Chương trình đào tạo: Cơ điện tử - hợp tác với ĐH Leibniz Hannover (CHLB Đức), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 71.05

TT: 61, Mã xét tuyển: ME-NUT, Chương trình đào tạo: Cơ điện tử - hợp tác với ĐHCN Nagaoka (Nhật Bản), Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 71.05

TT: 62, Mã xét tuyển: MS5, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật In, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 70.89

TT: 63, Mã xét tuyển: PH2, Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Hạt nhân, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 70.89

TT: 64, Mã xét tuyển: TX1, Chương trình đào tạo: Công nghệ Dệt May, Ngưỡng yêu cầu (Tối đa 110 điểm): 70.89

Với **xét chứng chỉ quốc tế**, có 928 thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển. Ngành Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo, Khoa học máy tính có đầu vào cao nhất.

Thí sinh có điểm quy đổi từ chứng chỉ SAT và chứng chỉ ngoại ngữ đạt 1.630/1.680, trong đó môn Toán đạt từ 750 điểm trở lên mới trúng tuyển hai ngành này.

TT: 1, Mã ngành học xét tuyển: IT1, IT-E10, SAT & CNN (Tối đa 1680): 1630 (Toán ≥ 750), ACT và CNN (Tối đa 37.8): 34 (Toán ≥ 34), A-Level: Toán A\* + 2 môn còn lại A\* và A, AP: Toán 5 + 2 môn còn lại 5, IB: -

TT: 2, Mã ngành học xét tuyển: IT2, EE2, SAT & CNN (Tối đa 1680): 1580 (Toán ≥ 750), ACT và CNN (Tối đa 37.8): 32 (Toán ≥ 32), A-Level: Toán A\* + 2 môn còn lại A, AP: Toán 4 + 2 môn còn lại 4, IB: Toán hoặc Khoa học 40

TT: 3, Mã ngành học xét tuyển: IT-E6, IT-E7, IT-E15, SAT & CNN (Tối đa 1680): 1480 (Toán ≥ 720), ACT và CNN (Tối đa 37.8): 30 (Toán ≥ 30), A-Level: Toán A + 2 môn còn lại A, AP: Toán 4 + 2 môn còn lại 4, IB: Toán hoặc Khoa học 38

TT: 4, Mã ngành học xét tuyển: BF1, CH1, ED2, ED3, EV1, EV2, EM1, EM2, EM3, EM4, EM5, HE1, MS1, PH1, PH2, PH3, ME2, TE2, TE3, TX1, MS3, MS5, BF-E12, BF-E19, CH-E11, MS-E3, TE-EP, SAT & CNN (Tối đa 1680): 1360 (Toán ≥ 700), ACT và CNN (Tối đa 37.8): 28 (Toán ≥ 28), A-Level: Toán A + 2 môn còn lại B, AP: Toán 3 + 2 môn còn lại 3, IB: Toán hoặc Khoa học 35

TT: 5, Mã ngành học xét tuyển: EM-E13, EM-E14, FL1, FL2, SAT & CNN (Tối đa 1680): 1360 (Toán ≥ 700), ACT và CNN (Tối đa 37.8): 28 (Toán ≥ 28),A-Level: Tiếng Anh A + 2 môn còn lại B, AP: Tiếng Anh 4 + 2 môn còn lại 3, IB:Tiếng Anh 35

TT: 6, Mã ngành học xét tuyển: ET-LUH, ME-GU, ME-NUT, ME-LUH, SAT & CNN (Tối đa 1680): 1310 (Toán ≥ 600), ACT và CNN (Tối đa 37.8): 25 (Toán ≥ 25), A-Level: Toán B + 2 môn còn lại C, AP: Toán 3 + 2 môn còn lại 3, IB: Toán hoặc Khoa học 30

Năm 2024, Đại học Bách khoa Hà Nội tuyển 9.260 sinh viên bằng 3 phương thức: xét tuyển tài năng (20%), xét điểm thi đánh giá tư duy (30%), xét điểm thi tốt nghiệp THPT (50%).

**THÍ SINH LƯU Ý**

**1. Kết quả XTTN của từng thí sinh sẽ có ở mục TRA CỨU trong tài khoản đã đăng ký trên** [**https://tsa.hust.edu.vn/xttn**](https://tsa.hust.edu.vn/xttn)

**2. Đây là kết quả trúng tuyển sớm theo phương thức XTTN (đạt ngưỡng yêu cầu của Đại học Bách khoa Hà Nội). Thí sinh vẫn phải thực hiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển Đại học năm 2024 trên Hệ thống lọc ảo chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 18/7 - 30/7/2024.**

**3. Thí sinh sẽ chính thức trúng tuyển và nhập học vào Đại học Bách khoa Hà Nội sau khi tốt nghiệp THPT và đặt NV1 là kết quả trúng tuyển sớm này khi đăng ký trên Hệ thống lọc ảo chung.**